

Dưới đây là phần hướng dẫn soạn Tiếng Anh SBT unit 7 lớp 7 Traffic sách mới được chia sẻ miễn phí, hỗ trợ các em ôn luyện hiệu quả. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo.

Giải Tiếng Anh 7 SBT Phonetics trang 3 sách mới

1. Find the word which has a different sound...

(Tìm một từ khi phát âm khác với từ có phần gạch dưới còn lại. Đọc to các từ.)

1. D	2. C	3. A	4. B	5. D
------	------	------	------	------

Giải thích:

1. Chọn D. captain, vì âm "ai" được phát âm là /i/, trong những từ còn lại được phát âm là /ei/.
2. Chọn C. traffic, vì âm "a" được phát âm là /æ/ trong những từ còn lại được phát âm là /ei/.
3. Chọn A. vehicle, vì âm "e" được phát âm là /i:/ trong những từ còn lại được phát âm là /e/.
4. Chọn B. honey vì âm "ey" được phát âm là /i/, trong những từ còn lại được phát âm là /ei/.
5. Chọn D. seatbelt vì âm "ea" được phát âm là /i:/, trong những từ còn lại được phát âm là /e/.

2. Single-underline the words...

(Gạch dưới một gạch với những từ có phát âm /e/ và gạch dưới hai gạch với những từ có phát âm /ei/ trong bài đàm thoại. Sau đó thực hành bài đàm thoại với một người bạn.)

A: Hey! This train is late ! I've been waiting here since seven.

B: Which train, madam?

A: The seven-twenty train to Maryland.

B: The seven-twenty? I think there's a mistake, Madam.

A: A mistake? My timetable says: Maryland train – 7.20.

B: Oh, no. The Maryland train leaves at twenty to seven.

A: Twenty to seven?

B: Yes. They changed the timetable at the end of February.

It's second of March today.

A: Oh, dear! May I see the new timetable? What does it say?

B: It says: Maryland train - 6:40.

A: So the train isn't late. I'm late.

Hướng dẫn dịch:

Ở NHÀ GA XE LỬA

A: Chào! Chuyến tàu này trễ rồi! Tôi đã đợi ở đây từ lúc 7 giờ.

B: Tàu nào thưa cô?

A: Tàu 7 giờ 20 đến Maryland.

B: 7 giờ 20 ư? Tôi nghĩ có một sự nhầm lẫn, thưa cô.

A: Nhầm lẫn à? Lịch chạy tàu của tôi nói rằng: Tàu Maryland - 7 giờ 20.

B: Ồ, không. Tàu Maryland rời đi lúc 6 giờ 40.

A: 6 giờ 40 à?

B: Đúng thế. Họ đã thay đổi lịch chạy tàu vào cuối tháng 2 rồi. Hôm là ngày 2 tháng Ba.

A: Ôi, trời ơi! Tôi có thể xem qua lịch chạy tàu không? Nó nói gì?

B: Nó nói: Tàu Maryland - 6:40.

A: Vậy là tàu không trễ. Mà là tôi trễ.

Giải SBT Anh 7 mới Vocabulary - Grammar trang 4-6

1. What do these sign mean? ...

(Những biển báo này có nghĩa gì? Chọn câu trả lời đúng.)

1. C	2. B	3. A	4. B	5. B	6. C
------	------	------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

1. C. Bạn phải lái xe chậm.
2. B. Ở đây có máy quay.
3. A. Cần thận. Công trường ở phía trước.
4. B. Thông tin du lịch có sẵn.
5. B. Có gia súc phía trước.
6. C. Xe hơi không được phép.

2. Choose the correct option...

(Chọn câu trả lời đúng cho mỗi khoảng trống trong các câu sau.)

1. A	2. A	3. B	4. D
5. C	6. B	7. D	8. C

Hướng dẫn dịch:

1. Linh từng chơi trò chơi lắp hình trong thời gian rảnh.
2. Mẹ tôi đón xe buýt đến chỗ làm mỗi buổi sáng, nhưng cha lái xe ô tô.
3. Tai nạn giao thông có thể bị ngăn chặn nếu người ta tuân theo luật.
4. Bạn nên nhìn bên phải và trái khi bạn băng qua đường.
5. Nhanh lên, không thì chúng ta sẽ trễ chuyến xe buýt cuối cùng.
6. Trước khi có hệ thống điều khiển giao thông mới, ở đây từng xảy ra nhiều vụ tai nạn hơn.
7. Giao thông công cộng ở thành phố này hoàn toàn tốt và nó không đắt.
8. Từ đây đến cảng không xa lắm.

3. Put questions for the underlined parts....

(Đặt câu hỏi cho phần gạch chân.)

1. How do most of your classmates go to school?
2. How far is it from your house to the nearest town?

3. What are the students learning in the schoolyard?
4. When are there often traffic jams in the city centre?
5. What did your father use to do?
6. How does Trung usually ride his motorbike?

Hướng dẫn dịch:

1. Hầu hết bạn học của bạn đi đến trường như thế nào?
2. Từ nhà tôi đến thị trấn gần nhất là bao xa?
3. Những học sinh trong sân trường đang học gì?
4. Khi nào có kẹt xe ở trung tâm thành phố?
5. Ba tôi từng làm gì?
6. Trung thường đi xe máy như thế nào?

4. Put these expressions in the gaps...

(Đặt những thành ngữ vào chỗ trống để hoàn thành các câu.)

1. train ticket	2. speed limit	3. driving license	4. means of transport
5. traffic jam	6. road users	7. zebra crossing	8. railway station

Hướng dẫn dịch:

1. Ở vài trạm, bạn có thể mua một vé tàu từ máy.
2. Chậm lại một chút. Có giới hạn tốc độ 50km trên đường này.
3. Bạn phải lấy được giấy phép lái xe trước khi bạn mua xe.
4. Lạc đà là phương tiện giao thông phổ biến nhất ở sa mạc Ai Cập và với quốc gia khác.
5. Tránh giờ cao điểm, bạn sẽ không bị kẹt xe.
6. Anh ấy lái xe quá nhanh: Anh ấy có thể làm hại những người khác.
7. Sáng nay một xe tải bị hỏng gần vạch qua đường.

8. Một trạm xe lửa mới vừa được xây dựng ở ngoại ô thành phố chúng ta.

5. Complete the following conversation...

(Hoàn thành bài đàm thoại sau với các câu từ A đến F.)

1. C	2. A	3. D
4. E	5. F	6. B

Hướng dẫn dịch:

Tâm: Điều gì xảy ra với xe đạp của bạn vậy? Bánh trước bị cong rồi.

Cường: Mình bị tai nạn. Mình đã đụng vào một xe hơi đang đậu khi cố gắng tránh một cái hố lớn trên đường.

Tâm: Bạn có bị thương không

Cường: Không. Mình may mắn không bị thương gì.

Tâm: Bạn có làm hư xe hơi không?

Cường: Một ít.

Tâm: Bạn đã làm gì sau đó?

Cường: Mình đã để lại lời nhắn cho người chủ xe.

Tâm: Bạn đã viết gì trong lời nhắn?

Cường: Tên và địa chỉ của mình. Mình cũng viết một lời xin lỗi.

Tâm: Và bạn sẽ làm gì với chiếc xe đạp này?

Cường: Mình sẽ phải mang nó đến chỗ sửa xe.

Tâm: Và nhớ lần tới đạp xe cẩn thận.

Cường: Được. Mình sẽ cẩn thận. Cảm ơn bạn.

6. Give the correct form of the words...

(Cho dạng đúng của từ trong ngoặc đơn.)

1. carelessness	2. mechanical	3. clearly
4. prevent	5. Foolish	

Hướng dẫn dịch:

Chúng tôi đã nghiên cứu hơn 1.200 tai nạn trong khi thực hiện bài khảo sát này. 85% những tai nạn này là do tài xe bất cẩn gây ra. Chỉ 9% những tai nạn mà chúng tôi khảo sát có kết quả từ lỗi máy móc của phương tiện giao thông. Khảo sát của chúng tôi cho thấy rõ ràng rằng một số lớn tai nạn có thể được ngăn chặn. Hơn nữa, nhiều tài xế khi được hỏi đã có những lý do rất ngớ ngẩn cho những nguyên nhân tai nạn. Một tài xế nói những người đi bộ không biết đi đâu, vì thế tôi đã đâm vào anh ta.

Giải sách bài tập Anh 7 Speaking trang 6, 7 sách mới

1.Can you do the quizzes?...

(Em có thể hỏi những câu hỏi này không? Chọn đúng (T) hoặc sai (F).)

1. T	2. F	3. F	4. T
5. T	6. F	7. T	8. T

Hướng dẫn dịch:

1. Ở Thái Lan, luật giao thông đi về bên trái.
2. Ở Indonesia, luật giao thông đi về bên phải.
3. Titanic chìm trong chuyến hải trình thứ hai của nó.
4. Christopher Columbus đã đến Mỹ bằng thuyền.
5. Một cách giao thông đặc biệt ở Alaska là xe chó trượt tuyết.
6. Ông già Noel đi bằng ván trượt.
7. Lạc đà được dùng để vận chuyển ở Sahara.
8. Người dân ở miền Tây Nam Việt Nam đi lại bằng thuyền rất nhiều.

2. Work with a partner...

(Làm theo cặp. Nói về những phương tiện giao thông mà em nên sử dụng nếu em ở những nơi sau đây và tại sao.)

1. The motorbike. Because it is quick and convenient.
2. The camel. Because you can't use other means of transport.
3. The boat. Because it is more convenient than other means.

3. Work in groups...

(Làm việc theo nhóm. Cho biết tên các quốc gia bạn biết mà các phương tiện giao thông đi bên trái.)

Gợi ý:

Thailand, Singapore, Indonesia, Japan, Ireland, Kingdom of England,...

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Reading trang 7, 8 sách mới

1. Read the passage ...

(Đọc đoạn văn và chọn câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi.)

1. A	2. B	3. D	4. C	5. A
------	------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

Ai là tài xế giỏi nhất? Tài xế nào là an toàn trên đường nhất? Theo một khảo sát gần đây, những tài xế không có kinh nghiệm và trẻ tuổi có nhiều khả năng gặp tai nạn nhất. Những tài xế lớn tuổi cẩn thận hơn. Những người đàn ông trẻ tuổi có những hồ sơ tai nạn tồi tệ nhất. Họ thường chọn xe nhanh hơn với động cơ lớn hơn. Một trong những điều thú vị nhất trong bài khảo sát là những hành khách có ảnh hưởng đến tài xế. Khi những tài xế nam trẻ tuổi đi cùng bạn bè trong xe, việc lái xe của họ tệ hơn. Khi vợ họ hoặc bạn gái ở trong xe, thì họ lái xe tốt hơn. Nhưng điều này không đúng cho phụ nữ. Họ lái xe nguy hiểm hơn khi chồng hoặc bạn trai của họ trong xe. Tuy nhiên, nếu những đứa con nhỏ của họ trong xe, họ lái xe chậm hơn và an toàn hơn.

2. Read the text below...

(Đọc bài đọc bên dưới và quyết định câu trả lời A, B, C hoặc D phù hợp với khoảng trống nhất.)

1. B	2. A	3. C	4. C
5. B	6. B	7. A	8. D

Hướng dẫn dịch:

Khi bạn ở Hồng Kông, bạn có thể đi bằng taxi, bằng xe điện, bằng xe buýt, bằng tàu điện ngầm. Chính tôi cũng thích tàu điện ngầm hơn bởi vì nó nhanh, dễ dàng và rẻ tiền. Có nhiều xe điện và xe buýt ở Hồng Kông và một người không thể lái xe dọc khắp con đường nhanh chóng mà không dừng lại nhiều lần. Vì thế mà tàu điện ngầm thường nhanh hơn taxi hoặc xe buýt. Nếu bạn không biết rõ Hồng Kông, sẽ rất khó để bạn tìm được xe buýt bạn muốn. Bạn có thể đón taxi, nhưng nó đắt hơn tàu điện ngầm hoặc xe buýt. Trên tàu điện ngầm bạn thấy những tấm bản đồ đẹp, chỉ cho bạn tên các trạm và cho bạn biết cách để đến đó, vì thế thật dễ để tìm đường đi của bạn.

3. Read the passage ...

(Đọc đoạn văn và đặt một từ thích hợp vào mỗi khoảng trống.)

1. in	2. installed	3. to	4. and
5. be	6. have	7. lights	8. are

Hướng dẫn dịch:

Đèn giao thông

Đèn giao thông hiện đại là phát minh của người Mỹ. Hệ thống đèn xanh đỏ được lắp đặt ở Cleveland vào năm 1914. Tín hiệu đèn 3 màu được lắp đặt ở New York vào năm 1918. Chúng từng được điều hành bằng tay từ một tháp ở giữa đường. Những loại đèn này đầu tiên xuất hiện ở London, ở giao lộ giữa đường James và Piccadilly, vào năm 1925. Những tín hiệu tự động được cài đặt một năm sau đó. Trong quá khứ, đèn giao thông từng rất đặc biệt, ở New York, vài đèn từng có một tượng trên đỉnh. Ở Los Angeles, đèn không chỉ thay đổi yên lặng, mà còn rung chuông để đánh thức những tài xế lái xe vào những năm 1930. Những đèn này đã ra đi và được thay thế bởi hệ thống đèn hiện đại mà giờ đây có thể được thấy ở mọi nơi.

Giải SBT Tiếng Anh 7 mới Writing trang 9

1. Rewrite the following sentences...

(Viết lại các câu sau mà ý nghĩa của chúng vẫn không thay đổi, sử dụng từ được cho ở mỗi câu.)

1. There is a train leaving for Lao Cai at 5 o'clock every morning.
2. It is about 300 km from Ho Chi Minh City to Phu Quoc Island.
3. Can you travel to Sa Pa by air?
4. If you are not careful, you'll fall off your bicycle.
5. Our teacher always drives carefully.
6. Mr Tam used to go to work by car some years ago, but now he cycles.
7. Traffic rules should be obeyed strictly (by road users).
8. My mother used to wash clothes by hand.

Hướng dẫn dịch:

1. Có một chuyến tàu hỏa đến Lào Cai lúc 5 giờ mỗi buổi sáng.
2. Từ Thành phố Hồ Chí Minh đến đảo Phú Quốc khoảng 300km.
3. Chúng ta có thể đi Sa Pa bằng máy bay được không?
4. Nếu bạn không cẩn thận, bạn sẽ ngã khỏi xe đạp.
5. Giáo viên của chúng tôi luôn là người lái xe cẩn thận.
6. Ông Tâm từng đi làm bằng xe hơi.
7. Người sử dụng đường bộ nên tuân thủ luật giao thông nghiêm khắc.
8. Mẹ tôi từng giặt đồ bằng tay.

2. Write a paragraph about the traffic problems...

(Viết một đoạn văn về những vấn đề giao thông trong một ngôi làng. Em có thể sử dụng những gợi ý sau. Hãy chắc rằng sử dụng đúng từ nối.)

My village also has some traffic problems. The cattle and dogs usually run along or across the road. The children sometimes play on the road. Villagers sell and buy things on the road. People don't obey the traffic rules. It's dangerous to travel in my village. So you should be careful.

Hướng dẫn dịch:

Làng tôi cũng có những vấn đề giao thông. Gia súc và chó thường chạy dọc hoặc băng qua đường. Trẻ con đôi khi chơi trên đường. Người trong làng bán và mua đồ trên đường. Người ta không tuân theo luật lệ giao thông. Thật nguy hiểm khi đi lại trong làng. Vì vậy bạn nên cẩn thận.